

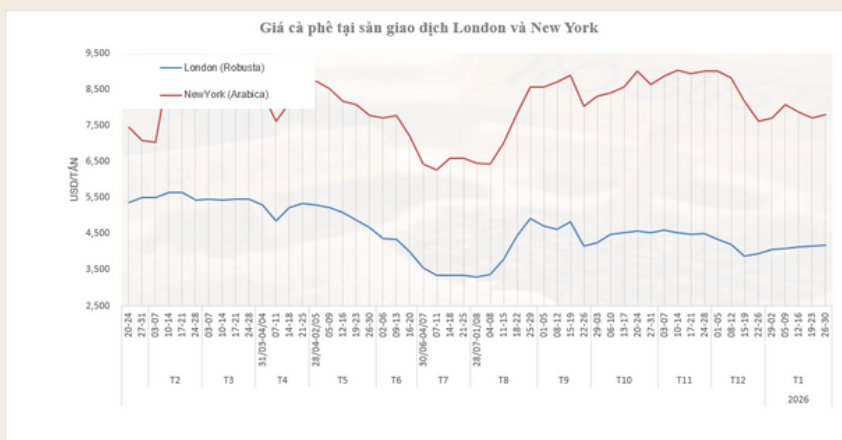
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên sàn New York và tăng trên sàn London trong tuần từ 26/01/2025 - 30/01/2026.
- Theo ABICS, xuất khẩu cà phê hòa tan Brazil sang Hoa Kỳ trong năm 2025 đã giảm 28,2%, đạt 558.470 bao.
- Theo Cục Hải quan Hàn Quốc, cà phê nhập khẩu của Hàn Quốc trong năm 2025 đạt khoảng 3,60 triệu bao, giảm 0,02%.
- Kim ngạch xuất khẩu cà phê Peru 11 tháng đầu năm 2025 đạt 1,579 tỷ USD, tăng 54,1% so với cùng kỳ năm trước.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 26/1/2026 đến 30/01/2026, giá cà phê thế giới tăng trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 01/2026 tại thị trường London bình quân đạt 4.199 USD/tấn, tăng 0,4% so với tuần trước và giảm 24% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.275 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.145 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 3/2026 bình quân đạt 7.808 USD/tấn, tăng 1,1% so với tuần trước, và tăng 10,1% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.096 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 7.617 USD/tấn.[1]

BRAZIL

Hiệp hội Công nghiệp Cà phê Hòa tan Brazil (ABICS) cho biết xuất khẩu cà phê hòa tan của Brazil sang Hoa Kỳ trong năm 2025 đã giảm 28,2%, đạt 558.470 bao. Nguyên nhân chủ yếu được xác định là tác động của mức thuế nhập khẩu 50% hiện vẫn áp dụng đối với cà phê hòa tan Brazil, trong khi thuế đối với cà phê nhân xanh đã được dỡ bỏ. ABICS đang phối hợp với Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ (SCA) nhằm chứng minh chính sách thuế này gây tác động tiêu cực không chỉ làm giảm khả năng cạnh tranh của nhà sản xuất mà còn làm gia tăng chi phí đối với người tiêu dùng tại thị trường Hoa Kỳ.[2]

Trên phạm vi toàn cầu, tổng lượng xuất khẩu cà phê hòa tan của Brazil trong năm 2025 cũng giảm 10,6%,

xuống còn 3,69 triệu bao. Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất, tiếp theo là Argentina, Nga, Ba Lan và Indonesia. Đáng chú ý, kim ngạch xuất khẩu cà phê hòa tan của Brazil năm 2025 vẫn đạt 1 tỷ USD, tăng 14,4% so với năm trước, phản ánh xu hướng giá cà phê kỳ hạn tăng cao trong năm 2025.[2]

Bên cạnh yếu tố thương mại, triển vọng vụ cà phê mới của Brazil đang trở thành nhân tố quan trọng chi phối thị trường. Các dự báo độc lập cho rằng sản lượng niên vụ tới có thể đạt trung bình khoảng 71 triệu bao. Cơ quan Cung ứng và Thống kê Nông nghiệp Brazil (CONAB) chưa công bố dự báo chính thức cho niên vụ 7/2026–6/2027, song nhiều khả năng con số này sẽ dưới ngưỡng 70 triệu bao.[2]



HÀN QUỐC

Theo số liệu của Cục Hải quan Hàn Quốc, tổng lượng cà phê nhập khẩu của Hàn Quốc trong năm 2025 đạt khoảng 3,60 triệu bao, giảm 0,02% so với năm trước, cho thấy quy mô nhập khẩu về lượng nhìn chung ổn định. Tuy nhiên, giá trị nhập khẩu lại đạt tới 1,86 tỷ USD, tăng mạnh khoảng 35% so với năm 2024, phản ánh rõ tác động của mặt bằng giá cà phê thế giới tăng cao trong suốt năm 2025.[3]

Cơ cấu nhập khẩu cà phê của Hàn Quốc chủ yếu là cà phê nhân xanh, chiếm khoảng 90% tổng khối lượng, phần còn lại là cà phê rang và các sản phẩm cà phê chế biến. Về nguồn cung, Brazil hiện chiếm khoảng 30% tổng lượng cà phê nhập khẩu, trong khi Colombia và Việt Nam lần lượt xếp ở vị trí thứ hai và thứ ba.[3]

Trong dài hạn, tiêu thụ cà phê tại Hàn Quốc ghi nhận xu hướng tăng trưởng ổn định trong hơn một thập kỷ qua. Động lực chính của xu hướng này đến từ sự phát triển mạnh mẽ của văn hóa quán cà phê, đặc biệt tại các khu vực đô thị hóa cao, nơi người dân có khả năng tiếp cận thuận lợi với hệ thống cửa hàng cà phê và các điểm tiêu dùng ngoài gia đình.[3]

PERU

Xuất khẩu cà phê của Peru đã đạt mức kỷ lục trong năm 2025, với kim ngạch 11 tháng đầu năm 2025 đạt 1,579 tỷ USD, tăng 54,1% so với cùng kỳ năm trước; ước tính cả năm xấp xỉ 1,8 tỷ USD. Cà phê tiếp tục là sản phẩm nông nghiệp truyền thống chủ lực, chiếm 94% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản trong giai đoạn này. Đà tăng trưởng chủ yếu đến từ mặt bằng giá quốc tế cải thiện mạnh, khi giá cà phê Arabica vượt lên mức cao nhất kể từ năm 1977, trong bối cảnh nguồn cung toàn cầu thắt chặt do rủi ro khí hậu tại Brazil và Việt Nam, tồn kho giảm và nhu cầu duy trì ổn định.[4]

Cà phê Peru hiện được xuất khẩu tới 52 thị trường, trong đó Hoa Kỳ là điểm đến lớn nhất, tiếp theo là Đức, Bỉ, Canada và Colombia; đồng thời quốc gia này nằm trong nhóm dẫn đầu thế giới về sản xuất và xuất khẩu cà phê hữu cơ. Ngành cà phê tạo sinh kế cho khoảng 223.000 hộ nông dân nhỏ, đóng vai trò quan trọng đối với tăng trưởng nông thôn và việc làm. Chất lượng cà phê Peru cũng được ghi nhận qua các giải thưởng quốc tế, tiêu biểu là giống Tunki từng được vinh danh tại hội chợ của Hiệp hội Cà phê Quốc gia Hoa Kỳ.[4]

ETHIOPIA

Một nghiên cứu dựa trên dữ liệu nông hộ trong giai đoạn 2013–2022 tại vùng Gedeo, Ethiopia cho thấy năng suất và chất lượng cà phê Arabica không bị ảnh hưởng bởi một yếu tố đơn lẻ, mà chịu tác động tổng hợp của nhiều biến số liên quan đến điều kiện đất đai và môi trường sinh thái, với mức độ ảnh hưởng khác nhau giữa các vùng.[5] Nghiên cứu đăng trên tạp chí “Beverage Plant Research” cho thấy việc quản lý đất theo hướng bền vững, đặc biệt là duy trì cây che bóng, có vai trò rất quan trọng đối với sản xuất cà phê, và không tồn tại mô hình canh tác chung có thể áp dụng cho mọi vùng. Kết quả phân tích cho thấy các yếu tố như mức độ thoát hơi nước, sự hiện diện của cây che bóng, hàm lượng nitơ, độ cao địa hình, lượng carbon hữu cơ trong đất và mức độ che phủ thảm thực vật cũng có ảnh hưởng đáng kể.[5]

Trên cơ sở đó, nghiên cứu được phân thành năm khu vực nhằm đề xuất các giải pháp canh tác thích ứng với biến đổi khí hậu, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng cà phê. Nghiên cứu do Đại học Dilla tài trợ và không ghi nhận xung đột lợi ích.[5]

JDE PEET’S THÚC ĐẨY CHUỖI CÀ PHÊ BỀN VỮNG

JDE Peet’s - một trong những doanh nghiệp cà phê hàng đầu thế giới, đã công bố Kế hoạch Chuyển đổi Thiên nhiên mang tên “Grounded in Nature”, được xây dựng như một lộ trình dựa trên cơ sở khoa học nhằm bảo vệ hệ sinh thái, và bảo đảm tính bền vững dài hạn của sản xuất cà phê. Kế hoạch này hướng tới việc đưa chuỗi cung ứng cà phê đóng góp tích cực cho các mục tiêu vì môi trường toàn cầu, đồng thời duy trì tính đa dạng nguồn cung tại các quốc gia sản xuất cà phê.[6]

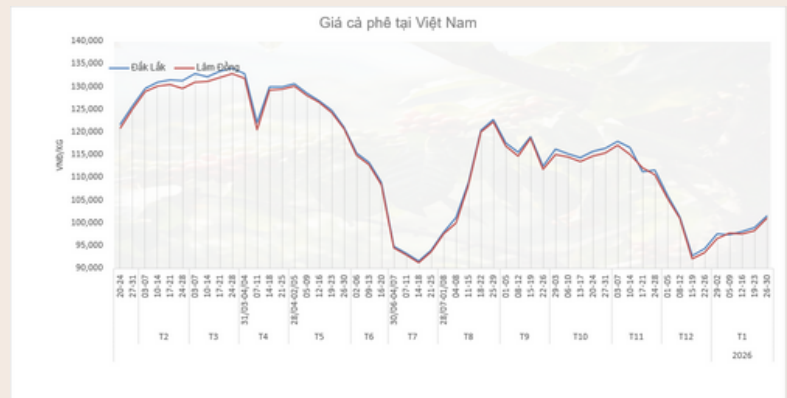
Các mục tiêu trọng tâm bao gồm bảo đảm cà phê không gây mất rừng, tuân thủ EUDR; mở rộng diện tích canh tác cà phê bền vững thêm 200.000 ha vào năm 2030; và đạt 100% cà phê nhân xanh được thu mua có trách nhiệm vào năm 2028. Theo đại diện JDE Peet’s, các rủi ro liên quan đến thiên nhiên đã và đang tác động trực tiếp tới nông dân và chuỗi cung ứng cà phê, do đó kế hoạch này không chỉ là định hướng chiến lược mà còn là lời kêu gọi hợp tác giữa doanh nghiệp, chính phủ, tổ chức xã hội và người trồng cà phê nhằm bảo vệ đa dạng sinh học và tương lai của ngành.[6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng giảm và Đắk Lắk tăng so với tuần trước.
- Trong nửa đầu tháng 1/2026, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt 89.000 tấn, tương đương 433,3 triệu USD, tăng 20,6% về lượng và 8,6% về trị giá.
- Theo VICOFA, vấn đề của cà phê Việt nằm ở giá trị gia tăng và thương hiệu, khi khoảng 87% sản lượng xuất khẩu dưới dạng thô.
- Xuất khẩu cà phê Việt Nam sang thị trường Algeria đạt 89.336 tấn, tăng 161% về khối lượng và đạt gần 455 triệu USD, tăng 257% so với năm 2024.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 26/01/2026 đến ngày 30/01/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 101.653 VNĐ/kg, tăng 2,7% so với tuần trước, và giảm 19,3% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 103.033 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 100.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 101.080 VNĐ/kg, tăng 2,7% so với tuần trước, và giảm 19,2% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 102.500 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 100.000 VNĐ/kg. [1]

TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM NĂM 2026

Trong nửa đầu tháng 1/2026, xuất khẩu cà phê của Việt Nam ghi nhận tín hiệu khởi sắc khi đạt hơn 89.000 tấn, tương đương 433,3 triệu USD, tăng 20,6% về lượng và 8,6% về trị giá so với cùng kỳ năm trước. Diễn biến này gắn với xu hướng tăng giá trên thị trường thế giới và trong nước, khi giá cà phê nội địa tại Tây Nguyên phổ biến quanh ngưỡng 98.000–101.000 VNĐ/kg. Theo nhận định của Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, mặt bằng giá duy trì ở mức cao phản ánh tình trạng nguồn cung Robusta toàn cầu không còn dư dả trong bối cảnh biến đổi khí hậu làm suy giảm sản lượng tại nhiều quốc gia sản xuất, trong khi nhu cầu tiêu thụ tiếp tục ổn định và gia tăng. Tuy nhiên, mức tăng kim ngạch thấp hơn tốc độ tăng sản lượng cho thấy giá xuất khẩu bình quân có dấu hiệu điều chỉnh nhẹ. Việc nông dân và doanh nghiệp thận trọng trong bán hàng, kết hợp điều kiện thu hoạch thuận lợi nhưng nguồn cung ra thị trường chưa dồi dào, tiếp tục là yếu tố hỗ trợ giá và triển vọng xuất khẩu cà phê trong giai đoạn đầu năm 2026. [2]



XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU CÀ PHÊ VIỆT NAM

Năm 2025 đánh dấu bước tăng trưởng nổi bật của ngành cà phê Việt Nam với sản lượng ước đạt 1,8–2,0 triệu tấn trên diện tích khoảng 730.000 ha, trong đó Robusta chiếm tới 95%, phản ánh rõ lợi thế so sánh và cấu trúc sản xuất đặc thù. Kim ngạch xuất khẩu lập kỷ lục gần 9 tỷ USD với khối lượng khoảng 1,6 triệu tấn, thị trường xuất khẩu gồm hơn 80 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó EU tiếp tục là thị trường chủ lực. [3]

Tuy nhiên, theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, điểm nghẽn cốt lõi của ngành vẫn nằm ở giá trị gia tăng và thương hiệu, khi khoảng 87% sản lượng xuất khẩu dưới dạng cà phê nhân thô, còn sản phẩm chế biến sâu chỉ chiếm tỷ trọng khiêm tốn. Dù một số doanh nghiệp đã đầu tư vào chế biến và xây dựng nhãn hiệu, mức độ lan tỏa vẫn hạn chế. Trong bối cảnh tiêu chuẩn thị trường ngày càng khắt khe, việc phát triển cà phê theo hướng tăng trưởng xanh, gắn với chiến lược quảng bá thương hiệu quốc gia và sự hỗ trợ đồng bộ của Nhà nước, được xem là điều kiện then chốt để nâng cao vị thế cà phê Việt Nam. [3]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ SANG THỊ TRƯỜNG ALGERIA TĂNG MẠNH

Năm 2025, thị trường Algeria nổi lên như một điểm sáng trong cơ cấu xuất khẩu cà phê của Việt Nam, với tốc độ tăng trưởng đột biến cả về lượng và giá trị. Theo thông tin từ Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam, xuất khẩu cà phê của Việt Nam đạt gần 1,6 triệu tấn, kim ngạch xấp xỉ 8,9 tỷ USD, trong đó riêng xuất khẩu sang thị trường Algeria đạt 89.336 tấn, tăng 161% về khối lượng và đạt gần 455 triệu USD, tăng 257% so với năm 2024. Nhờ đó, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu sang thị trường này đã tăng từ khoảng 2,5% lên 5,6% tổng kim ngạch cà phê cả nước, chỉ đứng sau Liên minh châu Âu, Nhật Bản và Hoa Kỳ. Sự bứt phá này phản ánh hiệu quả của chiến lược đa dạng hóa thị trường, đồng thời cho thấy tiềm năng lớn tại khu vực châu Phi, nơi nhu cầu tiêu dùng cà phê được đánh giá là ổn định và có xu hướng gia tăng. Trong bối cảnh thị trường truyền thống ngày càng cạnh tranh, Algeria được xem là dư địa quan trọng góp phần duy trì đà tăng trưởng xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong các năm tới.[4]

LÂM ĐỒNG

Tại vùng Tà Nung, phường Cam Ly, thành phố Đà Lạt, mô hình liên kết thông qua Câu lạc bộ Sản xuất cà phê bền vững Tà Nung đang tạo ra những chuyển biến rõ nét trong tổ chức sản xuất cà phê của cộng đồng nông dân, chủ yếu là đồng bào K'ho và các dân tộc bản địa. Thông qua hoạt động liên kết, nông dân đã mạnh dạn tá consider canh diện tích cà phê già cỗi bằng các giống năng suất cao như Thiện Trường, TR4 hay Catimor lùn, kết hợp áp dụng kỹ thuật ghép đa thân thả ngọn và tăng cường sử dụng phân hữu cơ. Nhờ đó, năng suất bình quân của các thành viên CLB đạt trên 5 tấn nhân/ha, cao hơn mức phổ biến của khu vực. Bên cạnh nâng cao kỹ thuật canh tác, CLB còn đóng vai trò là không gian chia sẻ tri thức, cập nhật thị trường và thúc đẩy sản xuất theo hướng bền vững, giảm sử dụng hóa chất và tiết kiệm tài nguyên nước. Đáng chú ý, mô hình đã từng bước hình thành chuỗi cung ứng nội vùng, gắn sản xuất với sơ chế và tiêu thụ, qua đó giúp nông dân giảm chi phí đầu vào, nâng cao chất lượng sản phẩm và ổn định thu nhập lâu dài.[5]



GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	100,700	101,200	102,500	100,000	101,000	101,080	2,700
Di Linh	100,700	101,200	102,500	100,000	101,000	101,080	2,700
Lâm Hà	100,700	101,200	102,500	100,000	101,000	101,080	2,700
Bảo Lộc	100,700	101,200	102,500	100,000	101,000	101,080	2,700
ĐẮK LẮK	100,933	101,533	103,033	101,033	101,733	101,653	2,640
Cư M'gar	101,000	101,600	103,100	101,100	101,800	101,720	2,640
Ea H'leo	100,900	101,500	103,000	101,000	101,700	101,620	2,640
Buôn Hồ	100,900	101,500	103,000	101,000	101,700	101,620	2,640
GIA LAI	100,933	101,533	102,733	100,733	101,733	101,533	2,593
Chư Prông	101,000	101,600	102,800	100,800	101,800	101,600	2,600
Pleiku	100,900	101,500	102,700	100,700	101,700	101,500	2,500
La Grai	100,900	101,500	102,700	100,700	101,700	101,500	2,560
Quảng Ngãi	100,900	101,500	102,700	100,700	101,500	101,460	2,460
Kon Tum	100,900	101,500	102,700	100,700	101,500	101,460	2,460

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://andina.pe>
- [5]: <https://dailycoffeenews.com>
- [6]: <https://www.gcrmag.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://kinhte.congthuong.vn>
- [3]: <https://nongnghiepmoitruong.vn>
- [4]: <https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
- [5]: <https://baolamdong.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả